TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày: 19-3-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;

2. Bà Huỳnh Xuân Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Thanh S, sinh năm 1990, tại Châu Đốc – An Giang.

Nơi cư trú: Tổ 19, khóm 3, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Hứa Thị T, sinh năm 1967; chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 04/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc ban hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng; ngày 18/10/2018, chấp hành xong.

Bị bắt tạm giam từ ngày 01/11/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Của B, sinh năm 1985, tại Châu Đốc – An Giang.

Nơi cư trú: Tổ 19, khóm 7, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955 và bà Trần Thị H (đã chết); chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

- Ngày 17/7/2017, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc ban hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng; ngày 04/11/2018, chấp hành xong.

- Ngày 07/8/2019, Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc ban hành xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 750.000 đồng, về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", chưa chấp hành nộp phạt.

- Ngày 14/11/2019, Công an thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi "Trộm cắp tài sản", chưa chấp hành nộp phạt.

Bị cáo đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 20/QĐ-TA ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh An Giang; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Phan T, sinh năm 1970, nơi cư trú: Tổ 13, khóm V, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1982, nơi cư trú: Tổ 07, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1973, nơi cư trú: Ấp V, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Bích D, sinh năm 1990, nơi cư trú: Ấp A1, xã T, thị xã C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1948, vắng mặt;

- Bà Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1980, vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984,vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983, vắng mặt;

- Bà Mạc Thị K, sinh năm 1990, vắng mặt;

- Bà Đường Thị N, sinh năm 1965, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 01/11/2019, Lê Thanh S đến khu đất vườn (tổ 13, khóm Vĩnh Phú, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc) thấy xe mô tô, biển số 67G1 – 203.22 của Nguyễn Phan Th đang đậu trong vườn, không người trông giữ, S lấy trộm xe đem đến nhà Nguyễn Văn Của B, nói cho B biết xe vừa lấy trộm và cùng B đưa sang Gò Tà Mâu, vương quốc Campuchia cầm cho Phạm Thị Thu T lấy 4.000.000 đồng. S cho B 200.000 đồng, còn lại S đánh bạc thua hết. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, S đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra được biết: Khoảng 10 giờ ngày 23/10/2019, Lê Thanh S đến khu vực tổ 07, khóm Vĩnh Tây 2, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc lấy trộm xe mô tô, biển số 67M2 – 9598 của Nguyễn Văn C điều khiển đến vựa thu mua phế liệu trên đường Hoàng Diệu (phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc) bán cho Phạm Thị Bích D lấy 700.000 đồng tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Phát hiện bị mất tài sản, C trình báo Công an.

Vật chứng thu giữ:

- Do Lê Thanh S giao nộp: 01 cây xẻng kim loại, dài 1,21m, cán tròn, một đầu hàn liền với thanh kim loại tròn dài 9,7cm; 01 áo sơ mi dài tay màu xám, trên cổ có dòng chữ THE SHIRTS STUDIO; 01 quần Jean lửng, màu xanh, có chữ LEVI'S JEANS;

- Do Phạm Thị Bích D giao nộp: 01 xe mô tô, nhãn hiệu SAVAHA, màu đỏ - đen, biển số 67M2 – 9598, cùng giấy xe (đã trao trả cho Nguyễn Văn C);

- Do Nguyễn Phan T giao nộp: 01 xe mô tô, nhãn hiệu VISION, biển số 67G1 – 203.22, cùng giấy xe (đã trao trả cho Nguyễn Phan Thái).

Kết luận định giá tài sản số 388 và số 392/KL-ĐG ngày 30/10/2019 và ngày 06/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc, xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu VASAHA, biển số 67M2 – 9598, trị giá 3.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu VISION, biển số 67G1 – 203.22, trị giá 13.000.000 đồng.

Ngày 07/11/2019 và ngày 09/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Lê Thanh S về hành vi "Trộm cắp tài sản"; ngày 17/01/2020 Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Của B về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại Cáo trạng số: 13/CT-VKSCĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố bị cáo Lê Thanh S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Văn Của B về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo S chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản"*, hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*". Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, trật tự quản lý nhà nước về tài sản do phạm tội mà còn mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cho nên, đề nghị xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, các bị cáo thuộc thành phần lao động, không được học hành, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; đối với bị cáo S có các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; "Đầu thú" và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo B có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cho nên, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thanh S từ 01 năm đến 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Của B từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 01 cây xẻng kim loại, cán tròn, 01 áo sơ mi dài tay màu xám, 01 quần jean lửng, màu xanh không còn giá trị sử dụng, bị cáo S không có yêu cầu nhận lại đề nghị tịch thu tiêu hủy; 01 xe mô tô, nhãn hiệu SAVAHA, màu đỏ - đen, biển số 67M2 – 9598, cùng giấy xe và 01 xe mô tô, nhãn hiệu VISION, biển số 67G1 – 203.22, cùng giấy xe (đã trao trả lại cho các bị hại Nguyễn Văn C, Nguyễn Phan T) nên không đề cập giải quyết. Đối với số tiền 200.000 đồng do bị cáo B phạm tội mà có nên buộc bị cáo Nguyễn Văn Của B giao nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại T, C đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường thêm nên không đề cập giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Thu T (chủ tiệm cầm đồ), Phạm Thị Bích D (người mua xe S lấy trộm) có yêu cầu bị cáo S bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt (T 3.200.000 đồng, D 700.000 đồng). Xét thấy, người chiếm đoạt tài sản của các bị hại là bị cáo S, bị cáo B chỉ cùng bị cáo S đem xe mô tô biển số 67G1 – 203.22 đi cầm và được bị cáo S cho 200.000đồng nên yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Thanh S có trách nhiệm bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thúy, D.

Đối với Đường Thị N, Phạm Thị Thu T, Phạm Thị Bích D khi nhận, mua xe mô tô của S và B đem bán, không biết tài sản do phạm tội mà có; Lê Thanh S, Nguyễn Văn Của B qua lại biên giới Việt Nam – Campuchia, đánh bạc trái phép nhưng không bị bắt quả tang nên không có căn cứ xử lý, cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo S khai nhận, khoảng 09 giờ ngày 01/11/2019, do cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên bị cáo đi tìm tài sản sơ hở để chiếm đoạt, khi đi đến khu vực đất vườn của ông Thái (tổ 13, khóm Vĩnh Phú, phường Châu Phú A) bị cáo quan sát thấy cửa rào không đóng, bên trong có để 01 xe mô tô, nhãn hiệu Vision nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt, bị cáo đi vào chổ để xe, quan sát thấy chìa khóa xe để trong hộc bên trái phía dưới cổ xe nên bị cáo lấy chìa khóa, dẫn xe ra khỏi cửa rào, nổ máy và điều khiển xe chạy đến khu vực gò Tà Mâu cầm cho tiệm cầm đồ lấy 4.000.000 đồng, đánh bạc thua hết. Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận thêm vào khoảng 10 giờ ngày

23/10/2019, bị cáo đi bộ ở đường tỉnh lộ 945A hướng từ phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc đến phường Núi Sam, bị cáo quan sát thấy có xe mô tô để trước nhà dân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, bị cáo đi lại nơi để xe, quan sát xung quanh không có người, trên xe có ghim sẵn chìa khóa xe nên bị cáo lén lút dẫn xe mô tô ra đường, nổ máy xe chạy về hướng quốc lộ 91, đường Hoàng Diệu, phường Châu Phú B thì dừng xe lại trước vựa phế liệu, bán xe mô tô vừa chiếm đoạt được cho chị D lấy 900.000 đồng mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Bị cáo B khai nhận, khoảng 10 giờ ngày 01/11/2019 khi bị cáo đang ở nhà thì bị cáo S chạy xe mô tô, nhãn hiệu Vision biển số 67G1 – 203.22 đến nhờ bị cáo dẫn đi tìm chổ cầm xe, S hứa sau khi cầm được xe sẽ cho bị cáo 200.000 đồng nên bị cáo đồng ý. Trên đường đi cùng S đến khu vực gò Tà Mâu để cầm xe, bị cáo có hỏi S nguồn gốc xe ở đâu mà có thì S có nói cho bị cáo biết xe do S lấy trộm được nhưng không nói lấy trộm của ai. Bên cạnh đó, bị cáo cũng thừa nhận S là người nghiện ma túy, sống lang thang, không có công việc ổn định, không có xe mô tô nên xe mô tô S rủ bị cáo đi cầm là do S chiếm đoạt được của người khác nhưng để có tiền mua ma túy sử dụng, bị cáo đồng ý cùng S đem xe mô tô, nhãn hiệu Vision cầm tại khu vực gò Tà Mâu, vương quốc Campuchia.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của từng bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố. Bên cạnh đó, lời khai của bị cáo S, bị cáo B còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường do Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc lập; lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Ngoài ra, còn phù hợp với vật chứng vụ án đã thu giữ và giao trả lại cho người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ đó có căn cứ xác định, bị cáo S đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản, bị cáo S đã chiếm đoạt tài sản của bị hại T 01 xe mô tô, nhãn hiệu Vision, biển số 67G1 – 203.22 với giá trị được xác định là 13.000.000 đồng và của bị hại C 01 xe mô tô, nhãn hiệu SAVAHA biển số 67M2 – 9598 với giá trị được xác định là 3.000.000 đồng, nên đã thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo S là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo B, mặc dù biết xe mô tô mà bị cáo S nhờ dẫn đi cầm dùm là do chiếm đoạt của người khác có được nhưng bị cáo vẫn cùng S mang xe mô tô đến khu vực thuộc Gò Tà Mâu, Vương quốc Campuchia cầm cho Phạm Thị Thu T nên hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà cụ thể là trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có. Bị cáo B là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm

pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện thông qua việc mang tài sản tiêu thụ ở bên kia biên giới Campuchia và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Các bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ, phải cố gắng lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân nhưng các bị cáo lại nghiện ma túy, lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng, bị cáo S đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông T, ông C; bị cáo B biết tài sản do bị cáo S chiếm đoạt mà có nhưng vẫn đồng ý cùng tiêu thụ tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thuộc thành phần lao động, bị cáo B không biết chữ, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; đối với bị cáo S có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; "đầu thú". Bị cáo B có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải". Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo thuộc thành phần lao động, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 cây xẻng kim loại, cán tròn; 01 áo sơ mi dài tay màu xám; 01 quần jean lửng, màu xanh không còn giá trị sử dụng, bị cáo S không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy; 01 xe mô tô, nhãn hiệu SAVAHA, màu đỏ - đen, biển số 67M2 – 9598, cùng giấy xe và 01 xe mô tô, nhãn hiệu VISION, biển số 67G1 – 203.22, cùng giấy xe đã trao trả lại cho các bị hại Nguyễn Văn C, Nguyễn Phan T nên không đề cập giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thanh S có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Phạm Thị Thu T số tiền 3.200.000 đồng, Phạm Thị Bích D số tiền 700.000 đồng.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với Đường Thị Nga, Phạm Thị Thu T, Phạm Thị Bích D khi nhận, mua xe mô tô của bị cáo S, bị cáo B đem bán, không biết tài sản do phạm tội mà có, tuy không xử lý nhưng cần công khai giáo dục tại phiên tòa; bị cáo S, bị cáo B qua lại biên giới Việt Nam – Campuchia, đánh bạc trái phép nhưng không bị bắt quả tang nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh S: 01 năm 06 tháng (*một năm sáu tháng*) tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo S được tính kể từ ngày 01/11/2019 *(một tháng mười một năm hai nghìn không trăm mười chín).*

Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Của B phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Của B: 09 (*chín*) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo B được tính kể từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn Của B được miễn chấp hành thời gian còn lại của Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 20/QĐ-TA ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cây leng (xẻng) bằng kim loại dài 1,21m, cán tròn, một đầu hàn liền với thanh kim loại dài 9,7cm, đường kính 3,2cm, lưỡi bầu dẹp bằng kim loại màu trắng, kích thước 30cm x 15,7cm, đã qua sử dụng;

- 01 áo sơ mi dài tay màu xám, trên cổ áo có chữ The Shirts Studio, đã qua sử dụng; 01 quần jean lửng, màu xanh, lưng quần có chữ LEVI'S Jean đã qua sử dụng (là trang phục S mặc khi trộm xe mô tô 67G1 – 203.22).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an nhân dân thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Của B giao nộp số tiền 200.000 (*hai trăm*) đồng vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo S có trách nhiệm bồi thường cho bà Phạm Thị Thu T 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thị Bích Duyên 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

Áp dụng Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Thanh S phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Của B phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1)
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bộ phận THA Tòa án (1)
- Bị cáo;
- Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Lê Ngọc Tiền